

Giảm tỷ trọng

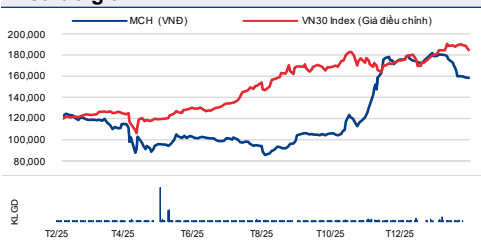
Giá mục tiêu: VND137,977

Tiềm năng tăng/giảm: -12.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (27/1/2026)	158,500
Mã Bloomberg	MCH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	85,439-181,862
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	158,600
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	203,446
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	7,785
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,284
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	528
Slg CP NN được mua (tr.đv)	356
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	16.4%
Tỷ lệ freefloat	30.1%
Cổ đông lớn	in Consumer Holdings (69.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	30,897	30,227	33,675
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,089	8,011	9,165
LNTT (tỷ đồng)	9,004	7,890	9,141
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,803	6,799	7,878
FCF (tỷ đồng)	8,713	3,841	8,006
EPS ĐC (đồng)	6,079	5,297	6,137
DPS (đồng)	22,063	4,939	5,763
BVPS (đồng)	12,156	11,265	11,668
T.trưởng EBITDA (%)	11.7	(0.97)	14.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	8.91	(40.2)	15.9
Tăng trưởng DPS (%)	168	(77.6)	16.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	26.2	26.5	27.2
Tỷ suất LNTT (%)	29.1	26.1	27.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	25.3	22.5	23.4
Tỷ lệ LN trả CT (%)	249	93.2	93.9
Nợ thuần/VCSH (%)	49.0	36.9	34.6
ROAE (%)	42.8	54.1	53.5
ROACE (%)	37.5	47.4	47.2
EV/doanh thu (lần)	4.68	6.90	6.19
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.9	26.1	22.8
P/E ĐC (lần)	26.1	29.9	25.8
P/B (lần)	13.0	14.1	13.6
Lợi suất cổ tức (%)	13.9	3.12	3.64

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan là công ty con của Công ty TNHH Masan Consumer Holdings. Chuyên sản xuất và phân phối nhiều loại gia vị, thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm chăm sóc cá nhân và nhà cửa.

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng
giang.bnc@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q4/2025: Doanh thu vượt nhẹ, lợi nhuận dưới kỳ vọng một chút

- Doanh thu thuần Q4/2025 tăng 4% so với cùng kỳ đạt 9.275 tỷ đồng, vượt 5% so với dự báo của HSC nhờ doanh thu mảng thực phẩm tiện lợi và mảng sản phẩm chăm sóc gia đình & cá nhân (HPC) tăng mạnh hơn kỳ vọng, trong khi lợi nhuận thuần giảm 11% so với cùng kỳ xuống 2.079 tỷ đồng, thấp hơn 6% so với dự báo do tỷ suất lợi nhuận gộp thấp hơn dự kiến.
- Quá trình chuyển đổi kênh phân phối đã ghi nhận những kết quả ban đầu trong Q4/2025, với kênh bán hàng truyền thống phục hồi và các chỉ số hoạt động cải thiện nhờ hệ thống phân phối mở rộng và năng suất tăng.
- Mảng thực phẩm tiện lợi dẫn dắt tăng trưởng với doanh thu tăng 19%, trong khi mảng HPC cũng tăng 19% và doanh thu thị trường quốc tế tăng 25% so với cùng kỳ; ngược lại, các mảng gia vị, đồ uống và cà phê ghi nhận doanh thu giảm so với cùng kỳ. HSC đang xem xét lại dự báo của mình.

Sự kiện: Công bố KQKD Q4/2025

Doanh thu thuần Q4/2025 tăng 4% so với cùng kỳ đạt 9.275 tỷ đồng, vượt 5% so với dự báo của HSC nhờ KQKD mảng thực phẩm tiện lợi và mảng HPC tích cực hơn kỳ vọng. Trong khi đó, lợi nhuận thuần giảm 11% so với cùng kỳ xuống 2.079 tỷ đồng, thấp hơn 6% so với dự báo của chúng tôi ở mức 2.212 tỷ đồng, do tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 45,6%, thấp hơn so với dự báo 46,6%. Dù vậy, KQKD vẫn đáng khích lệ, phản ánh sự cải thiện rõ rệt so với mức lợi nhuận giảm 25% và 19% so với cùng kỳ ghi nhận lần lượt trong Q2/2025 và Q3/2025.

Tính chung cả năm 2025, doanh thu thuần giảm 1% xuống 30.557 tỷ đồng và lợi nhuận thuần giảm 15% xuống 6.667 tỷ đồng.

Quá trình chuyển đổi kênh phân phối bắt đầu mang lại hiệu quả

Quá trình chuyển đổi kênh phân phối bắt đầu phát huy hiệu quả trong Q4/2025, với sự phục hồi của kênh bán hàng truyền thống nhờ cải thiện mạnh về độ phủ của hệ thống bán hàng (số lượng điểm bán tăng 70% so với cùng kỳ), năng suất nhân viên bán hàng (số lượng điểm bán trên mỗi nhân viên bán hàng tăng 40% so với cùng kỳ) và mức độ thâm nhập danh mục sản phẩm (số SKU trên mỗi đơn hàng tăng 70% so với cùng kỳ). Theo đó, doanh thu kênh bán hàng truyền thống chỉ giảm 0,5% so với cùng kỳ trong Q4/2025, cải thiện rõ rệt so với mức giảm 19,3% và 9,9% ghi nhận trong Q2/2025 và Q3/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 28/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, MCH

Lợi nhuận thuần giảm 11% so với cùng kỳ trong Q4 và giảm 15% trong năm 2025

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng
Doanh thu thuần	8,942	9,275	3.7%	30,897	30,557	-1.1%
Lợi nhuận gộp	4,176	4,208	0.8%	14,405	13,906	-3.5%
Chi phí BH&QL	(1,785)	(1,975)	10.6%	(6,880)	(6,769)	-1.6%
EBIT	2,391	2,233	-6.6%	7,525	5,337	-29.1%
Lợi nhuận/(lỗ) tài chính	302	173	-42.5%	1,423	545	-61.7%
EBITDA	2,594	2,461	-12.9%	8,334	8,007	-3.9%
LNST trước lợi ích của cổ đông thiểu số	2,368	2,104	-11.1%	7,921	6,764	-14.6%
LNST cổ đông công ty mẹ	2,329	2,079	-10.7%	7,803	6,667	-14.6%

Nguồn: MCH

Trong khi đó, kênh bán hàng hiện đại, kênh khách sạn-nhà hàng-quán cà phê, thương mại điện tử và mảng kinh doanh quốc tế đều ghi nhận mức tăng trưởng hai chữ số mạnh mẽ.

Mảng thực phẩm tiện lợi dẫn dắt tăng trưởng

Trong số các mảng tăng trưởng, thực phẩm tiện lợi – mảng lớn thứ hai – dẫn dắt đà mở rộng với doanh thu tăng 19% so với cùng kỳ đạt 2.690 tỷ đồng, vượt 20% so với dự báo của HSC. Mảng sản phẩm chăm sóc gia đình & cá nhân (HPC) cũng ghi nhận tăng trưởng tích cực với mức tăng 19% so với cùng kỳ đạt 699 tỷ đồng, vượt 15% dự báo. Doanh thu thị trường quốc tế tăng mạnh 25% so với cùng kỳ đạt 573 tỷ đồng, dù vẫn thấp hơn 10% so với dự báo của chúng tôi.

Ngược lại, mảng gia vị – mảng lớn nhất của MCH – ghi nhận doanh thu giảm 7% so với cùng kỳ xuống 3.285 tỷ đồng, nhìn chung sát với kỳ vọng. Doanh thu mảng đồ uống giảm 6% so với cùng kỳ xuống 1.324 tỷ đồng, thấp hơn 14% so với dự báo của HSC trong khi doanh thu mảng cà phê chỉ giảm nhẹ 1% so với cùng kỳ xuống 631 tỷ đồng, vượt 10% dự báo.

Xem xét lại dự báo

Cho năm 2026, HSC hiện dự báo doanh thu thuần đạt 33.675 tỷ đồng, tăng trưởng 10%; LNST trước lợi ích CĐTTS đạt 7.996 tỷ đồng, tăng trưởng 18%; và LNST của Công ty mẹ đạt 7.878 tỷ đồng, tăng trưởng 18%. Trong khi đó, MCH đặt kế hoạch doanh thu thuần tăng trưởng 11-15% và LNST trước lợi ích CĐTTS tăng trưởng 10-15%. HSC đang xem xét lại dự báo đối với MCH.

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần, MCH

Doanh thu mảng thực phẩm tiện lợi tăng mạnh trong Q4/2025

Tỷ đồng	Q4/24	Q4/25	So với cùng kỳ	2024	2025	Tăng trưởng
Gia vị	3,528	3,285	-6.9%	11,195	10,405	-7.1%
Thực phẩm tiện lợi	2,259	2,690	19.1%	9,215	9,327	1.2%
Đồ uống	1,403	1,324	-5.6%	5,271	4,901	-7.0%
Cà phê	638	631	-1.2%	1,769	1,821	2.9%
HPC	588	699	18.9%	1,901	2,174	14.3%
Khác	526	646	22.7%	1,546	1,928	24.7%
Doanh thu thuần	8,942	9,275	3.7%	30,897	30,557	-1.1%

Nguồn: MCH

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	28,241	30,897	30,227	33,675	37,420
Lợi nhuận gộp	12,974	14,405	13,871	15,679	17,497
Chi phí BH&QL	(6,254)	(6,880)	(6,563)	(7,272)	(7,920)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,721	7,525	7,307	8,407	9,577
Lãi vay thuần	1,315	1,423	511	655	726
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	58.7	65.1	71.6	78.7	86.6
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.09	(8.28)	0	0	0
LNTT	8,099	9,004	7,890	9,141	10,390
Chi phí thuế TNDN	(905)	(1,084)	(988)	(1,145)	(1,301)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(109)	(117)	(102)	(118)	(135)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,085	7,803	6,799	7,878	8,954
Lợi nhuận thuần ĐC	7,085	7,803	6,799	7,878	8,954
EBITDA ĐC	7,239	8,089	8,011	9,165	10,387
EPS (đồng)	8,140	8,865	5,297	6,137	6,976
EPS ĐC (đồng)	5,520	6,079	5,297	6,137	6,976
DPS (đồng)	8,232	22,063	4,939	5,763	6,586
Sig CP bình quân (triệu đv)	870	880	1,284	1,284	1,284
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	870	880	1,284	1,284	1,284
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,284	1,284	1,284	1,284	1,284

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,790	5,677	4,126	5,107	6,714
Đầu tư ngắn hạn	4,908	365	3,000	3,000	3,000
Phải thu khách hàng	10,989	1,705	2,576	3,228	3,392
Hàng tồn kho	2,178	2,582	2,652	2,955	3,284
Các tài sản ngắn hạn khác	56.1	64.3	62.9	70.1	77.9
Tổng tài sản ngắn hạn	23,922	10,394	12,417	14,360	16,468
TSCĐ hữu hình	4,789	4,535	4,952	5,200	5,467
TSCĐ vô hình	763	714	628	541	452
Bất động sản đầu tư	5.75	4.17	4.17	4.17	4.17
Đầu tư dài hạn	275	332	332	332	332
Đầu tư vào Cty LD,LK	295	347	347	347	347
Tài sản dài hạn khác	10,503	11,574	11,521	11,467	11,414
Tổng tài sản dài hạn	16,631	17,506	17,784	17,891	18,016
Tổng cộng tài sản	40,553	27,900	30,202	32,251	34,484
Nợ ngắn hạn	8,469	9,067	7,254	8,082	8,981
Phải trả người bán	2,024	2,315	2,296	2,526	2,796
Nợ ngắn hạn khác	2,577	2,511	2,457	2,734	3,035
Tổng nợ ngắn hạn	13,729	14,600	12,700	14,113	15,670
Nợ dài hạn	227	1,764	2,117	2,117	2,117
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	160	150	150	150	150
Nợ dài hạn khác	49.7	45.9	34.4	34.4	34.4
Tổng nợ dài hạn	437	1,960	2,302	2,302	2,302
Tổng nợ phải trả	14,177	16,572	15,013	16,426	17,983
Vốn chủ sở hữu	25,780	10,700	14,459	14,976	15,519
Lợi ích cổ đông thiểu số	596	628	730	848	983
Tổng vốn chủ sở hữu	26,376	11,328	15,189	15,825	16,501
Tổng nợ phải trả và VCSH	40,553	27,900	30,202	32,251	34,484
BVPS (đ)	29,619	12,156	11,265	11,668	12,090
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,906	5,154	5,246	5,092	4,384

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	6,721	7,525	7,307	8,407	9,577
Khấu hao	(518)	(565)	(704)	(757)	(810)
Lãi vay thuần	1,315	1,423	511	655	726
Thuế TNDN đã nộp	(731)	(1,108)	(988)	(1,145)	(1,301)
Thay đổi vốn lưu động	(2.21)	2,381	(68.3)	(193)	(189)
Khác	(1,565)	(1,558)	(2,589)	442	477
LCT thuần từ HKKD	6,256	9,227	4,876	8,923	10,099
Đầu tư TS dài hạn	(573)	(514)	(1,035)	(918)	(988)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	3.89	8.12	8.12	8.12	8.12
Khác	(6,519)	11,980	(901)	(500)	0
LCT thuần từ HĐĐT	(7,088)	11,474	(1,928)	(1,410)	(980)
Cổ tức trả cho CSH	(262)	(23,070)	(6,309)	(7,360)	(8,412)
Thu từ phát hành CP	0	119	3,268	0	0
Tăng/giảm nợ	1,295	2,135	(1,459)	827	899
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,034	(20,816)	(4,500)	(6,533)	(7,513)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,588	5,790	5,677	4,126	5,107
LCT thuần trong kỳ	202	(115)	(1,551)	981	1,607
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.06	2.63	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,790	5,677	4,126	5,107	6,714
Dòng tiền tự do	5,682	8,713	3,841	8,006	9,111

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.9	46.6	45.9	46.6	46.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	25.6	26.2	26.5	27.2	27.8
Tỷ suất LNT (%)	25.1	25.3	22.5	23.4	23.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.2	12.0	12.5	12.5	12.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	4.68	9.41	(2.17)	11.4	11.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	16.2	11.7	(0.97)	14.4	13.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	30.0	10.1	(12.9)	15.9	13.7
Tăng trưởng EPS (%)	30.0	8.91	(40.2)	15.9	13.7
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	30.0	10.1	(12.9)	15.9	13.7
Tăng trưởng DPS (%)	nm	168	(77.6)	16.7	14.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	101	249	93.2	93.9	94.4
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.7	42.8	54.1	53.5	58.7
ROACE (%)	26.7	37.5	47.4	47.2	51.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.76	0.90	1.04	1.08	1.12
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	1.23	0.67	1.06	1.05
Số ngày tồn kho	52.1	57.1	59.2	59.9	60.2
Số ngày phải thu	263	37.7	57.5	65.5	62.2
Số ngày phải trả	48.4	51.2	51.2	51.2	51.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	11.5	49.0	36.9	34.6	28.9
Nợ/tài sản (%)	21.6	39.1	31.3	31.9	32.5
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.21	1.35	1.18	1.12	1.08
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.74	0.71	0.98	1.02	1.05
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	4.99	4.68	6.90	6.19	5.55
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.5	17.9	26.1	22.8	20.0
P/E (lần)	19.5	17.9	29.9	25.8	22.7
P/E ĐC (lần)	28.7	26.1	29.9	25.8	22.7
P/B (lần)	5.35	13.0	14.1	13.6	13.1
Lợi suất cổ tức (%)	5.19	13.9	3.12	3.64	4.16

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn